

KHOA CƠ BẢN ĐHXD VHVL: Những năm tháng không thể nào quên.

1. Ngày đầu về Khoa Cơ Bản trên bãi cát Yên Viên.

Tôi và anh Lê Xuân Bình có lẽ là 2 người đầu tiên mới tốt nghiệp ở nước ngoài về Khoa Cơ Bản khu Yên viên làm việc. Anh Đinh Xuân Long về trước đó và đã có một năm dạy trên Phú Sơn cùng các anh Đoàn Khả Cách, Chiêu Quốc Luân, Ứng Văn Vĩnh. Lần lượt tiếp theo là các anh Võ Hải Đăng, Đỗ Nam, Phạm Văn Chinh, chị Nguyễn Thị Ngoạn...

(Có thể anh Đăng về cùng đợt với tôi và anh Bình, chỉ sang Yên viên sau tôi vài ngày – tôi không nhớ được).

Một thời gian ngắn sau đó các anh chị Đặng Thị Thảo, Trương Vĩnh Phúc, Phạm Quang Hào được bổ sung về Khoa. Anh Đào Quang Trung xuất hiện muộn nhất. Cao to đẹp trai, nghe nói anh bị bắt cóc ngay khi vừa xuống tàu tại ga Hàng cỏ sau 6 năm du học ở Liên xô về. Hóa ra ông đạo diễn, phim “Vùng trời” thì phải, cần tìm một người đóng vai phi công mà cả năm trời lờn khắp các tỉnh thành miền Bắc đối kém không được. Nhìn thấy vóc dáng Đào Quang Trung tại ga, ông thu nạp ngay. Trung có thêm một biệt danh mà anh Đăng vừa nhắc tôi nhớ lại: Trung phi công.

Tôi đến Yên viên nhận công tác vào một buổi chiều muộn se lạnh cuối tháng 11 năm 1974. Mặc dù nơi chúng tôi sẽ gần bó chỉ là một bãi cát mênh mông với vài ngôi nhà lụp xụp, nhưng không nhớ do đã có ai xác định tư tưởng cho mình từ trước hay do sự tiếp đón nhiệt tình của anh Đoàn Khả Cách, phụ trách khu Yên viên lúc đó, mà tôi thấy ấm lòng theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Anh Lưu Văn Tường (bộ môn thi công - sau này anh Lê Minh bộ môn vật liệu XD) là tổng chỉ huy việc xây dựng khu Yên viên, tiếp đón chúng tôi rất thân tình, niềm nở mời chúng tôi uống nước chè, hút thuốc cuốn và ăn khoai nướng xung quanh bếp lửa. Củi đốt là nứa khô để dựng nhà ở cho sinh viên chất bạt ngàn xung quanh.

Trong đầu tôi không hề có ý nghĩ ngại hay sợ phải làm việc ở nơi hoang vu nghèo khổ này. Tôi chỉ ngạc nhiên vì Phòng tổ chức cán bộ nói chúng tôi sẽ tiếp nhận và sau đó là giảng dạy cho 200 SV K4 sẽ nhập trường và 50 SV dự bị. Tôi chưa nhìn thấy Văn phòng Khoa, phòng học và chỗ ở của SV trên sa mạc cát này. Tôi có thể quay về Bộ Đại học trả lại quyết định và xin chuyển về Viện Điều khiển, nơi anh Ngô Thúc Loan, Tiến Sỹ Khoa Học đã thu nhận tôi và một số khác từ lúc chưa tốt nghiệp ở Hungary trong chuyến đi Đông Âu của anh. Nhưng tôi thích đi dạy và sẵn sàng cho thử thách mới để được lên bục giảng dạy.

Ngay tối đầu tiên ở Yên viên, tôi được nhận phòng ở, có bàn làm việc, có giường nằm với chiếc chiếu cũ trên đó và được mời xuống kho kí nhận mượn (thực chất là được phát, chẳng có ai phải trả lại) 2 chiếc chăn bông to sụ. (Tôi được phát 2 chiếc chăn vì cái nào cũng rách). Mặc dù không điện, không đèn dầu nhưng phòng chúng tôi ở sáng trưng cho đến tận lúc đi ngủ. Anh Cách, anh Tường đã chỉ thị cho chúng tôi, với nguồn chất đốt vô tận xung quanh, không cần tiết kiệm năng lượng để sưởi ấm, đun nấu. Chúng tôi còn sáng tạo thêm, sử dụng nứa khô để thắp sáng nữa!

Sau này HS thiếu củi để nấu mì còn “phát minh” thêm nhiều cách khác để tìm kiếm chất đốt. Đầu tiên là nhổ các cây nứa hàng rào chắn, sau này họ rút nứa lợp trên mái nhà xuống để đun nấu và không ít lần đội “cờ đỏ”, dưới sự chỉ huy của thầy Đỗ Nam, lập biên bản lỗi những kẻ phạm tội vì đốn đổ lên Trường Khoa xử lí.

Được làm đúng công việc mà mình thích từ hồi còn là sinh viên, tôi chăm chỉ bám chặt anh Đoàn Khả cách để dự giờ, hỏi han từ việc soạn bài, cách trình bày bảng, cách giao tiếp với học sinh cũng như tìm hiểu cả các việc chẳng liên quan gì đến giảng dạy. Anh Cách có phương pháp giảng dạy hơi khác người. Khi lên lớp anh không mang theo bất kì một tài liệu hay quyển sách nào, tập trung cao độ vào bài giảng: hoặc anh dừng lại viết bảng hoặc vừa giảng giải vừa đi lại khoan thai trên bục. Ít khi tôi thấy anh đứng một chỗ nói/giảng bài mà không viết. Sau buổi lên lớp về, anh lập tức ngồi viết lại bài giảng vừa trình bày hôm đó.

Chúng tôi đến nhận việc tại **Yên viên**, vào đúng thời điểm Khoa Cơ bản đang trong quá trình di chuyển từ Phú Sơn (Thái nguyên) về Yên viên (Hà nội) nên toàn bộ Khu không điện, không nước, không bếp ăn TT, thậm chí Văn phòng Khoa để tiếp đón chúng tôi cũng không. Tất cả, từ phòng học, nhà ở cho cán bộ và SV, nhà ăn, nhà vệ sinh đang được xây dựng nhanh chóng với VLXD chủ yếu là tre nứa, cốt ép và gỗ mít. Một điều kì diệu: chưa đầy 3 tháng sau đã xây dựng tạm đủ các phòng học, nhà ăn, chỗ ở cho 2 khóa HS khóa 3, khóa 4 và các lớp dự bị ĐH. Năm học mới bắt đầu vào dịp trước Tết âm lịch năm 1975.

Toàn bộ khu học tập, ăn ở, sân bãi vui chơi của Khoa nằm trên một bãi cát dày hàng mét, với khoảng 10 ngôi nhà gồm các lớp học, nhà ở cho CB, SV và nhà ăn. Tất cả đều là các nhà tranh, mái nứa không hề có bóng dáng một ngôi nhà xây bằng gạch nào ở đây. Sang nhất và cũng duy nhất là một nhà gồm 8 phòng ở dành cho cánh giáo viên trẻ chúng tôi được dựng lên bởi các tấm beton mỏng kết nối với nhau bằng ốc vít, mái tôn fibroximent, mùa hè nóng đến mức bàn ghế nứt toác. Buổi trưa hè nóng bức chúng tôi phải sang trú trong phòng các cô giáo có tường là các tấm cốt ép, mái nứa vá vữa các mảnh giấy dầu và thấp lè tè. Những đêm sáng trăng là thiên đường của cánh giáo viên trẻ chúng tôi. Trong khi các cô giáo còn miệt mài soạn bài giảng, phòng chúng tôi tắt đèn để tiết kiệm dầu và gọi nhau í ới dàn hàng ngang trên sa mạc cát, đi dưới trăng sáng, mặt hướng thẳng về phía gió thổi làm cái việc sung sướng thứ nhì sau thú thú nhất là được làm quận công. Nếu bạn nào trót đau bụng ban ngày không thể chờ cái cảnh *thiên đường dưới trăng* ấy thì thật chẳng khác gì chui xuống địa ngục. Cả mấy trăm học sinh, thầy giáo phải đi vào các nhà vệ sinh không cửa. Mọi người vào đó phải xếp hàng chờ vì số WC không nhiều và điều quan trọng là nên mang theo các mảnh báo để che mặt nếu không muốn ngượng ngùng nhìn người khác thấy mình trong tư thế này.

Ngày đó - bây giờ khác nhau một trời một vực. Kiểu thư giãn phổ biến và duy nhất thời đó là ra quán nước Dốc lã uống nước chè, ăn kẹo lạc. Ngày đó tôi chẳng biết gì ngoài làm toán, đọc các sách toán (cuốn sách tôi yêu thích là “Cơ sở giải tích hiện đại” của DIEUDONNÉ) và nếu không có giờ dạy từ 2 ngày trở lên thì đạp xe lên Xuân hòa thăm người yêu. Suốt những năm học phổ thông là học sinh mê toán, tự thử thách mình qua việc giải các bài tập khó, học các lớp chuyên toán (hồi đó người dùng từ “lớp toán đặc biệt” thay cho chữ chuyên toán) và vào Đại học sang Hungary cũng lại theo nghề toán. Các kiến thức về xã hội, văn học, lịch sử, văn hóa... đều chấp vá, có thể coi là không biết gì. Tôi có bạn gái cùng lớp phổ thông, sau này đi học nước ngoài mỗi người một nước nên sớm ngỏ lời YÊU qua các bức thư tình từ những năm đầu thời sinh viên. Anh Đoàn Khả Cách lớn tuổi hơn (đã có gia đình riêng ở quê Thanh Hóa) thường xuyên bị cánh trẻ chúng tôi phỏng vấn mỗi khi thuận lợi. Chẳng hạn ngồi ngắm trăng, uống nước chè trên bãi cát, sớm muộn rồi câu chuyện cũng dẫn đến đề tài YÊU...